

— Tô chức khen thưởng kịp thời, nhằm động viên kích thích mạnh mẽ người lao động trong sản xuất, công tác.

Thông tư này áp dụng cho tất cả các xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh trong cả nước thay thế cho thông tư số 1-LĐ/TT ngày 18-1-1978 của Bộ Lao động.

Các Bộ, các ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra văn bản hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị cơ sở thuộc quyền thực hiện.

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 1982

Bộ trưởng Bộ Lao động
ĐÀO THIÊN THI

BỘ THỦY SẢN

THÔNG TƯ số 5-TT/TS ngày 17-9-1982 hướng dẫn thực hiện quyết định số 97-HĐBT ngày 29-5-1982 của Hội đồng bộ trưởng về chính sách phát triển nuôi trồng thủy sản.

Thi hành quyết định số 97-HĐBT ngày 29-5-1982 của Hội đồng bộ trưởng về chính sách phát triển nuôi trồng thủy sản, sau khi trao đổi với các ngành liên quan, Bộ Thủy sản hướng dẫn cụ thể như sau.

I. QUẢN LÝ SỬ DỤNG CÁC LOẠI MẶT NƯỚC

1. Quy định chung: Đơn vị, cá nhân sử dụng mặt nước phải đăng ký với chính quyền địa phương, nhằm giúp chính quyền các cấp và ngành thủy sản nắm được tình hình để có biện pháp đẩy mạnh sản xuất, phát triển nuôi trồng thủy sản; đồng thời đăng ký là để thực hiện việc kiểm kê kiểm soát trong quản lý mặt nước.

Nội dung đăng ký gồm:

- a) Tên đơn vị, cá nhân sử dụng mặt nước,
- b) Số lượng ao, hồ, đầm,
- c) Diện tích ao, hồ, đầm, tính theo đơn vị m² (bao gồm diện tích có khả năng nuôi và diện tích đã nuôi),
- d) Đối tượng nuôi cá giống hay cá thịt.

Ủy ban nhân dân xã, phường hướng dẫn việc đăng ký các loại mặt nước trong địa phương mình.

Các Sở, Ty thủy sản, nông nghiệp, và các ban thủy sản, nông nghiệp các quận, huyện, giúp Ủy ban nhân dân xã, phường đăng ký thống kê các loại mặt nước của địa phương.

Mặt nước thuộc phạm vi cấp nào do cấp đó quản lý. Mặt nước lớn liên xã, liên huyện, liên tỉnh, nên giao cho một đơn vị thống nhất quản lý sản xuất kinh doanh.

Tùy theo điều kiện cụ thể của từng nơi, có thể tổ chức liên doanh giữa quốc doanh với hợp tác xã, hợp tác xã với tư nhân. Các mặt nước do cơ quan trung ương quản lý thì đều phải tổ chức nuôi cá, và nằm tại địa phương nào, thì đăng ký tại chính quyền nơi đó.

2. Khuyến khích sử dụng mặt nước.

a) Tất cả các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, cơ quan, xí nghiệp, đơn vị quân đội, hiện đang sử dụng các loại mặt nước, dù là nước ngọt, nước lợ, nước mặn, đều phải có kế hoạch nuôi trồng các loại thủy sản thích hợp, không được để hoang hóa, nếu để hoang hóa từ 1 năm trở lên, thì mặt nước thuộc phạm vi cấp nào, cấp đó được quyền giao cho đơn vị khác sử dụng (trừ diện tích thuộc khu vực cấm—bao gồm những khu vực có liên quan đến an ninh kinh tế và quốc phòng do cấp tỉnh hoặc

trung ương quy định. Đó là các khu vực sân bay, công binh xưởng, bến cảng, kho tàng quân sự, và các vùng nghiên cứu khoa học có tính chất bí mật quốc gia).

b) Đối với những ao, hồ nhỏ phân tán, trước đây do chính quyền, hoặc hợp tác xã quản lý sử dụng, nếu kinh doanh không có hiệu quả thì:

— Ao hồ do chính quyền quản lý nên giao lại cho hợp tác xã sử dụng nuôi cá.

— Những ao hồ tập trung thì hợp tác xã, tập đoàn sản xuất phải quản lý, củng cố tổ, đội chuyên cá, để nuôi cá thịt và sản xuất cá giống.

— Những ao, hồ phân tán nằm trong phạm vi đội sản xuất cơ bản nào, thì nên giao cho đội đó quản lý nuôi cá.

— Những ao, hồ nhỏ phân tán rải rác, cạnh các gia đình, thì giao khoán cho nhóm, hộ gia đình.

c) Ở những nơi chưa tập thể hóa những ao, hồ, đầm công cộng cần được tổ chức nuôi cá theo hướng:

— Chính quyền địa phương nên tạm thời tổ chức quản lý nuôi cá;

— Nếu chính quyền không có điều kiện thì giao cho cơ quan, xí nghiệp, trường học, quân đội, các đoàn thể trọng xã, hoặc giao khoán cho nhóm, hộ gia đình sử dụng nuôi cá. Trường hợp không giao khoán được, thì cho gia đình tạm mượn để nuôi cá, và được hưởng toàn bộ sản phẩm.

d) Trên diện tích ruộng cấy lúa nước, các tổ, đội hoặc gia đình nhận mức khoán với hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, được kết hợp nuôi cá trên nguyên tắc bảo đảm thực hiện mức khoán lúa, và được hưởng toàn bộ sản phẩm cá thu được.

Đối với ruộng muối, ruộng trồng coi, có kết hợp nuôi tôm, cá nước lợ, thì người sản xuất cũng được hưởng toàn bộ sản phẩm tôm, cá thu được.

e) Đối với vùng triều nước lợ, nước mặn có thể nuôi tôm, trồng rong câu được, thì hợp tác xã, tập đoàn cần tổ chức sản xuất, nơi nào hợp tác xã và tập đoàn chưa tổ chức được thì giao cho cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường, đơn vị quân đội, và gia đình nuôi trồng thủy sản.

Sử dụng mặt nước lợ, mặn nuôi tôm, cá cần chú ý khoanh vùng với quy mô diện tích nhỏ và vừa để bảo đảm môi trường sinh thái tự nhiên và sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

g) Đối với các bãi đặc sản;

— Những bãi đặc sản quý, hiếm, có sản lượng đáng kể, có giá trị xuất khẩu cao như đồi mồi, bào ngư, trai, ngọc, yến sào, hải sâm, thì các Sở, Ty thủy sản tổ chức quản lý, bảo vệ nhằm giữ gìn và phát triển nguồn lợi này của đất nước.

— Những bãi đặc sản có giá trị xuất khẩu và sản lượng không lớn thì có thể giao cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất hoặc đơn vị quân đội, cơ quan, xí nghiệp, nông, lâm trường... quản lý bảo vệ.

h) Những mặt nước bỏ hoang như thung lũng, đầm, ruộng ven đê, vùng đất trũng ven sông, hồ bom, và những vùng bãi triều nước lợ, mặn, nay cải tạo thành ao, hồ, đầm nuôi cá, tôm, trồng rong câu, thì được coi là mặt nước khai hoang.

Những ao, hồ, đầm, ruộng nước ngọt, nước lợ, nước mặn, đã bỏ hoang trên 3 năm, nay khôi phục cải tạo nuôi trồng thủy sản thì được coi là mặt nước phục hồi.

Muốn khai hoang phục hồi mặt nước nào thì phải được cấp quản lý mặt nước đó cho phép. Đơn vị, cá nhân có công khai hoang, phục hồi, được hưởng các quyền lợi như đã nêu trong quyết định.

Sau thời hạn quy định, nếu đơn vị chủ quản, hoặc chính quyền địa phương chưa sử dụng, thì người khai hoang phục hồi vẫn được tiếp tục sản xuất, nếu đơn vị

chủ quản hoặc chính quyền địa phương có nhu cầu sử dụng mặt nước đó, thì phải bàn bạc và trả thù lao cho người đã có công khai hoang phục hóa với số tiền bằng 20 — 50% giá trị sử dụng còn lại của công trình.

Riêng những mặt nước nằm trong khu vực đã quy hoạch xây dựng, sau khi khai hoang phục hóa để nuôi cá, đơn vị chủ quản cần lấy đề xây dựng, thì không phải trả tiền thù lao (cần bàn bạc thống nhất cụ thể với đơn vị chủ quản trước khi khai hoang phục hóa).

Việc lấy mặt nước khai hoang, phục hóa cần báo trước ít nhất là 1 năm để cho đương sự có thời gian thu hoạch xong và ngừng việc đầu tư.

II. VỀ SẢN XUẤT CÁC LOẠI GIỐNG THỦY SẢN

1. Đề có đủ giống tốt cung cấp kịp thời cho yêu cầu sản xuất cá nước, Bộ Thủy sản quy hoạch hệ thống trạm trại giống từ trung ương đến địa phương và quy định phân cấp trách nhiệm như sau:

a) Bộ Thủy sản xây dựng các trung tâm giống thuần chủng của trung ương làm nhiệm vụ nghiên cứu chọn giống lai tạo, giữ và sản xuất các loại giống thuần chủng, giống gốc, để phân phối cho các trại giống thuần chủng của các tỉnh, thành phố.

b) Các Sở, Ty thủy sản, nông nghiệp xây dựng các trạm, trại cá giống nhằm cung cấp thỏa mãn giống trong tỉnh bao gồm:

— Một trại giống thuần chủng (có thể kết hợp làm thực nghiệm) nhân giống thuần chủng của trung ương để phân phối cho các trại giống trong tỉnh, và nghiên cứu chọn, lai tạo, giữ và sản xuất giống quý của địa phương.

— Các trại giống sinh sản nhân tạo chủ yếu sản xuất cá bột, và một phần cá hương cung cấp cho các hợp tác xã, đơn vị và gia đình ương nuôi thành cá giống.

Các tỉnh phía Bắc củng cố và cải tạo các trại đã có để nâng cao công suất, không phát triển thêm cơ sở mới, kể cả quốc doanh và hợp tác xã; riêng các huyện miền núi có thể xây dựng trại giống mới (quốc doanh, hợp tác xã hoặc trong các nông trường, xí nghiệp, quân đội) để cung cấp đủ giống trong huyện.

Các tỉnh phía Nam từ Quảng Nam — Đà Nẵng trở vào xây dựng trại giống quốc doanh là chủ yếu, việc xây dựng trại giống sinh sản nhân tạo trong hợp tác xã, tập đoàn sản xuất phải theo quy hoạch của tỉnh.

2. Lưu thông con giống:

Nhà nước cho phép lưu thông con giống, nhưng phải tuân theo các quy định sau:

a) Đơn vị, cá nhân buôn bán cá giống phải có giấy đăng ký hành nghề của Sở, Ty thủy sản, nông nghiệp và giấy phép đăng ký kinh doanh của quận, huyện. Các trường hợp buôn bán cá giống không có đăng ký kinh doanh hành nghề, hoặc có đăng ký nhưng buôn bán gian lận, làm hại đến phong trào nuôi trồng thủy sản, tư nhân mượn danh nghĩa cơ quan để buôn bán cá giống trốn đăng ký và thuế đều là phạm pháp.

b) Các tỉnh có nhu cầu chuyên cá giống từ Bắc vào Nam và từ Nam ra Bắc, phải lập kế hoạch vận chuyển cá báo cáo với Bộ Thủy sản. Bộ sẽ giao cho Công ty vật tư cá giống trung ương chuyên chở, hoặc hướng dẫn cho các đơn vị trực tiếp vận chuyển.

c) Xuất nhập khẩu các loại giống thủy sản ở nước ta phải có kế hoạch và do Bộ Thủy sản thống nhất quản lý chỉ đạo.

d) Về sản xuất và quản lý phân phối thuốc cho cá đẻ:

Tất cả các đơn vị sản xuất thuốc cho cá đẻ đều phải có giấy phép của Bộ Thủy sản. Nếu sản xuất mang tính chất kinh doanh thì còn phải có thêm giấy phép đăng ký kinh doanh. Đơn vị sản xuất thuốc phải chịu sự quản lý của Bộ Thủy sản về quy trình công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng và sản phẩm.

Hàng năm theo kế hoạch của Bộ Thủy sản, Công ty vật tư cá giống trung ương thu mua sản phẩm và phân phối cho các địa phương.

Điều kiện để được Bộ Thủy sản xét cấp giấy phép là:

- Đơn vị sản xuất thuốc được cấp trên của đơn vị đó xác nhận và đề nghị;
- Bản quy trình công nghệ sản xuất, thuyết minh và sản phẩm mẫu;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị.

III. SẢN XUẤT THỨC ĂN CHO CÁ

Các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất có nuôi cá cần tận dụng hết các đất bờ ruộng, bờ ao, và được tính trong phần đất dành cho chăn nuôi để sản xuất thức ăn cho cá, và phải làm nghĩa vụ với Nhà nước bằng sản phẩm chăn nuôi (cá hay thịt lợn) trên diện tích đó. Tỷ lệ quy đổi: 2kilôgam cá bằng 1kilôgam thịt lợn hơi.

Việc làm nghĩa vụ bằng cá hay thịt lợn do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

IV. KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Đề khai thác hợp lý và bảo vệ phát triển nguồn lợi, Bộ Thủy sản quy định cụ thể như sau:

1. Nghiêm cấm việc dùng và thải các chất độc, điện, chất nổ để đánh bắt và giết hại các loại thủy sản:

a) Cấm dùng chất độc như các loại thuốc trừ sâu (DDT, 666), lá coi, lá quả thàn mát, quả sù vệt, khô dầu sỏ, và các chất độc khác để giết hại các loại thủy sản ở các thủy vực.

Các xí nghiệp, nhà máy, công trình có thải chất độc đều phải xử lý trước khi đưa ra các vùng nước, nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

b) Cấm dùng chất nổ như mìn, bộc phá, lựu đạn, súng và điện trường (cào điện) để khai thác tôm, cá làm nguồn lợi thủy sản bị tiêu diệt hàng loạt.

2. Cấm đánh bắt, giết hại cá con và các loài thủy sản đang thời kỳ sinh đẻ:

Cá con và các loài thủy sản đang thời kỳ sinh đẻ là nguồn bổ sung rất lớn cho nguồn lợi thủy sản, nếu bị phá hoại sẽ làm giảm trữ lượng nhanh chóng, vì vậy:

a) Cấm đánh bắt cá con:

— Bãi cá con ven sông (nhân dân thường gọi là bãi cá trụi) các địa phương cần có kế hoạch quản lý, chỉ đạo, sử dụng cá trụi làm cá giống để nuôi.

— Cá ròng ròng (cá lóc, cá quả, cá bống con).

— Cá linh: không nên khai thác vào mùa cá linh non (từ tháng 6 đến tháng 8) mà tập trung khai thác vào mùa cá linh già (từ tháng 9 đến tháng 12).

b) Cấm khai thác các loại đặc sản nhỏ (xem phụ lục 1).

Chiều dài cho phép khai thác một số loài cá (xem phụ lục 2).

c) Cấm đánh bắt các loài thủy sản đang thời kỳ sinh đẻ (xem phụ lục 3).

d) Về sản xuất và quản lý phân phối thuốc cho cá đẻ :

Tất cả các đơn vị sản xuất thuốc cho cá đẻ đều phải có giấy phép của Bộ Thủy sản. Nếu sản xuất mang tính chất kinh doanh thì còn phải có thêm giấy phép đăng ký kinh doanh. Đơn vị sản xuất thuốc phải chịu sự quản lý của Bộ Thủy sản về quy trình công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng và sản phẩm.

Hàng năm theo kế hoạch của Bộ Thủy sản, Công ty vật tư cá giống trung ương thu mua sản phẩm và phân phối cho các địa phương.

Điều kiện đề được Bộ Thủy sản xét cấp giấy phép là :

- Đơn vị sản xuất thuốc được cấp trên của đơn vị đó xác nhận và đề nghị;
- Bản quy trình công nghệ sản xuất, thuyết minh và sản phẩm mẫu;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị.

III. SẢN XUẤT THỨC ĂN CHO CÁ

Các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất có nuôi cá cần tận dụng hết các đất bờ mương, bờ ao, và được tính trong phần đất dành cho chăn nuôi để sản xuất thức ăn cho cá, và phải làm nghĩa vụ với Nhà nước bằng sản phẩm chăn nuôi (cá hay thịt lợn) trên diện tích đó. Tỷ lệ quy đổi : 2kilôgam cá bằng 1kilôgam thịt lợn hơi.

Việc làm nghĩa vụ bằng cá hay thịt lợn do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

IV. KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Đề khai thác hợp lý và bảo vệ phát triển nguồn lợi, Bộ Thủy sản quy định cụ thể như sau :

1. Nghiêm cấm việc dùng và thải các chất độc, điện, chất nổ để đánh bắt và giết hại các loại thủy sản :

a) Cấm dùng chất độc như các loại thuốc trừ sâu (DDT, 666), lá coi, lá quả thàn mát, quả sù vẹt, khô dầu sỏ, và các chất độc khác để giết hại các loại thủy sản ở các thủy vực.

Các xí nghiệp, nhà máy, công trình có thải chất độc đều phải xử lý trước khi đưa ra các vùng nước, nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

b) Cấm dùng chất nổ như mìn, bộc phá, lựu đạn, súng và điện trường (cào điện) để khai thác tôm, cá làm nguồn lợi thủy sản bị tiêu diệt hàng loạt.

2. Cấm đánh bắt, giết hại cá con và các loài thủy sản đang thời kỳ sinh đẻ :

Cá con và các loài thủy sản đang thời kỳ sinh đẻ là nguồn bổ sung rất lớn cho nguồn lợi thủy sản, nếu bị phá hoại sẽ làm giảm trữ lượng nhanh chóng, vì vậy :

a) Cấm đánh bắt cá con :

— Bãi cá con ven sông (nhân dân thường gọi là bãi cá trụi) các địa phương cần có kế hoạch quản lý, chỉ đạo, sử dụng cá trụi làm cá giống để nuôi.

— Cá ròng ròng (cá lóc, cá quả, cá bống con).

— Cá linh : không nên khai thác vào mùa cá linh non (từ tháng 6 đến tháng 8) mà tập trung khai thác vào mùa cá linh già (từ tháng 9 đến tháng 12).

b) Cấm khai thác các loại đặc sản nhỏ (xem phụ lục 1).

Chiều dài cho phép khai thác một số loài cá (xem phụ lục 2).

c) Cấm đánh bắt các loài thủy sản đang thời kỳ sinh đẻ (xem phụ lục 3).

Phụ lục 1

Chiều dài các loại đặc sản được phép khai thác.

Số thứ tự	Tên các loài	Chiều dài (cm)
1	- Bào ngư	5
2	- Sò huyết	3,5
3	- Vẹm	8
4	- Trai ngọc	7
5	- Diệp tròn	7
6	- Hàu sông	12
7	- Hải sâm	13
8	- Sứa sùng	6
9	- Cua	10
10	- Đồi mồi	
11	- Ngao	25
12	- Tôm hùm	15
13	- Tôm rảo	4

Phụ lục 2

Chiều dài cho phép khai thác một số loại cá đối với những nghề có năng suất sản lượng lớn.

Tên cá	Chiều dài (cm) (1)	Trọng lượng
- Cá chày	25	
- Mòi cò	16	
- Cá chép	20	0,5 $\frac{1}{4}$ - 0,6 kg
- Cá xình gai	20	
- Anh vũ	22	
- Cá hóc	20	
- Dằm xanh	17	
- Cá trôi	30	0,5 - 0,6 kg
- Chày đất	15	
- Cá bông	40	2 - 2,5 kg
- Trắm đen	27	
- Trắm cỏ	30	
- Mè trắng Việt Nam	30	1 - 2 kg
- Luon	36	
- Cá chiên	38	
- Cá vền	15	
- Cá tra	30	0,7 kg
- Cá bông	38	
- Cá cóc	14	
- Trê trắng	22	
- Trê vàng	22	
- Sặt rần	16	
- Duồng bay	17	

(1) Chiều dài tính từ mõm cá đến đốt sống cuối cùng.

Phụ lục 3

Các khu vực và thời gian cấm khai thác một số loại cá ở một số sông.

Tên cá	Sông Hồng	Sông Đà
- Cá mòi cò	- Việt Trì, Hà Nội, thị xã Hưng Yên	Thị xã Hòa Bình
- Cá chày	- Quạch, Âu Lâu, thị xã Yên Bái	Diêm ban, suối Rút, Thác Bò, Thác Bưởi
- Cá trôi	- Cửa ngòi Bo, Ngòi Nhù, Ngòi Hút, Ngòi thía, Giàn Khế	Tạ Khoa, Thác Bò, Ngòi Hoa
- Mè trắng	- Quạch, Cánh minh, Âu Lâu, Giới phiên cách ngoa, Tuy lộc ghềnh Linh	Tạ Khoa, Vạn Yên, Diêm ban, bãi loa, suối Rút, Thác Bò, Thác Bưởi
- Trắm đen	- Cầu làng Giàng, quanh thị xã Yên Bái	Thác Bò, Trung Hà
- Cá chiên	- Trịnh tường, thị xã Lào Cai, ngòi Bo, Quạch (Hoàng Liên Sơn)	Thác Bò, Vạn Yên, Tạ Khoa
- Cá hòa	- Trịnh tường, Trịnh quyền, cửa sông Nậm thi, cửa ngòi Bo	Hát Ong, Nậm Ti, Nậm Sập
- Cá bông	- Soi cò, Ngòi Bo, Bào Hà, Lang thíp	
- Cá Anh Vũ	- Chân cầu Việt Trì	Thị trấn Lai Châu, Vạn Yên, Trung Hà
- Cá vền		

Phụ lục 4

Thời gian sinh đẻ của một số loại đặc sản.

Tên các loài cá	Thời gian sinh đẻ (theo dương lịch)
Bào ngư	6 - 8
Sò huyết	8 - 11
Vẹm	4 - 5 và 9 - 10
Trai ngọc (2 loại)	5 - 11
Diệp tròn	5 - 6
Hầu sông	4 - 6 và 8 - 10
Hải sâm	6 - 7
Sá sùng	3 - 8
Cua	5 - 11
Đồi mồi	5 - 7
Rau mơ	1 - 5
Rau câu	1 - 5
Tôm hùm	3 - 7
Tôm rảo	4 - 5
Ngao	2 - 4

Các khu vực và thời gian cấm khai thác ở một số sông miền Bắc.

Sông Lô Gâm	Sông Lam	Thời gian cấm (tháng)	Ghi chú
Ngã ba Đoan Hùng	Nam Đông (Nam Đàn)	3-5	
Thác cái, Hàm Yên, thị xã Tuyên Quang	Vực Quánh (Thanh Chương)	3-5	
Sông con Vinh Tuy, Vương Khương, Vị Xuyên, Chiêm Hóa, Cửa sông Năng Bắc Quang, Hàm Yên, thị xã Tuyên Quang	Thác Chôn lôn (Chương Dương) thác Đà bếp (Anh Sơn)	5-7	
Bình Xuyên, Bến Then		5-6	
Chiêm Hóa, Vinh Tuy		5-7	
		2-5	

1	2	3	4
Na Hang, Ba lũng, Chiêm Hóa		12-2	
Nà Cày, Phương Tiễn, Vững Kem	Thác Làng rạc (Tân Kỳ)	3-5	
Na Hang, Ngã ba Lô gâm	Vực cồn, vèo, vực Rú già, Đồng pha (Đô Lương), Thanh Cát (Thanh Chương)	10-12	

BỘ THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

THÔNG TƯ số 11-TBXH ngày 25-9-1982 hướng dẫn tính trợ cấp theo quyết định số 134-HĐBT và quyết định số 135-HĐBT ngày 17-8-1982 của Hội đồng bộ trưởng.

Ngày 17 tháng 8 năm 1982, Hội đồng bộ trưởng đã ban hành quyết định số 134-HĐBT và quyết định số 135-HĐBT đưa phụ cấp lương tạm thời theo quyết định số 219-CP ngày 29-5-1981 của Hội đồng Chính phủ vào lương chính hiện nay thành lương chính mới và phụ cấp thêm 10 đồng một người một tháng vào sinh hoạt phí hiện nay của hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội.

Bộ Thương binh và xã hội hướng dẫn việc tính trợ cấp theo lương chính mới và sinh hoạt phí mới cho những người hưởng trợ cấp do ngành thương binh và xã hội quản lý như sau.

I. Tính trợ cấp cho những người hưởng trợ cấp từ ngày 1 tháng 8 năm 1982 trở về sau.

1. Những người bắt đầu hưởng từ ngày 1 tháng 8 năm 1982 về sau các loại trợ cấp